

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19,

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất như sau:

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương cho người lao động theo quy định tại khoản 11 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi chung là khách hàng).

1.2. Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

1.3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Nguyên tắc cho vay

2.1. Việc cho vay phải đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

2.2. Khách hàng phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

3. Điều kiện vay vốn

3.1. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

a) Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

b) Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

3.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

a) Đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022

- Phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

b) Đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để phục hồi sản xuất, kinh doanh

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

- Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đã hoàn thành quyết toán thuế năm 2020 tại thời điểm đề nghị vay vốn.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được khách hàng sử dụng để trả lương cho người lao động ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh theo chính sách hỗ trợ của Chính phủ quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP.

5. Mức cho vay

5.1. Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất với thời gian tối đa 03 tháng/người lao động.

5.2. Việc xác định mức cho vay hằng tháng đối với khách hàng như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức cho vay tối đa} \\ \text{01 tháng của 01} \\ \text{khách hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả} \\ \text{lương ngừng việc} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả lương} \\ \text{cho người lao động khi} \\ \text{phục hồi sản xuất} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả} \\ \text{lương ngừng việc} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương tối} \\ \text{thiểu vùng đối với} \\ \text{người lao động bị} \\ \text{ngừng việc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số người lao động bị ngừng} \\ \text{việc được cơ quan bảo hiểm} \\ \text{xã hội xác nhận trong Danh} \\ \text{sách Mẫu số 13a ban hành} \\ \text{kèm theo Quyết định số} \\ \text{23/2021/QĐ-TTg} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền vay vốn trả} \\ \text{lương cho người} \\ \text{lao động khi phục} \\ \text{hồi sản xuất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương tối} \\ \text{thiểu vùng đối với} \\ \text{người lao động} \\ \text{đang làm việc theo} \\ \text{hợp đồng lao động} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số người lao động đang làm việc} \\ \text{theo hợp đồng lao động được cơ} \\ \text{quan bảo hiểm xã hội xác nhận} \\ \text{trong Danh sách Mẫu số 13b/13c} \\ \text{ban hành kèm theo Quyết định} \\ \text{số 23/2021/QĐ-TTg} \end{array}$$

5.3. Mức tiền lương tối thiểu vùng căn cứ theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

6. Lãi suất cho vay

6.1. Lãi suất cho vay: 0%/năm (không phần trăm).

6.2. Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dưới 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

8. Bảo đảm tiền vay

Khách hàng không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.

9. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp đến khách hàng.

10. Hồ sơ vay vốn

10.1. Khách hàng tự kê khai, lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay.

10.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

10.2.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

đ) Văn bản thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

10.2.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b, đ điểm 10.2.1 khoản 10 văn bản này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d điểm 10.2.1 khoản 10 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

10.3. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

10.3.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12b ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động, Mẫu số 12c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

e) Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động).

g) Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động (đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

10.3.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 10.3.1 khoản 10 văn bản này.

- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e điểm 10.3.1 khoản 10 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

10.4. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

11. Quy trình cho vay

11.1. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ quy định tại khoản 10 văn bản này do khách hàng cung cấp, lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 01/CVTL) trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

11.2. Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

a) Tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống thông tin tín dụng Quốc gia (CIC) để xác định tình trạng nợ xấu của khách hàng; in kết quả tra cứu thông tin kèm theo hồ sơ vay vốn.

b) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn.

c) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và khách hàng không có nợ xấu theo quy định, lập Tờ trình phê duyệt cho vay (Mẫu số 02/CVTL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 03/CVTL) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04/CVTL), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

11.3. Căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, cán bộ được phân công cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/CVTL, 05PL/CVTL):

a) Hợp đồng tín dụng được lập một lần với khách hàng vay vốn lần đầu và lập Phụ lục hợp đồng tín dụng cho các lần vay vốn tiếp theo (nếu có).

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu mở tài khoản tại NHCSXH để phục vụ cho việc giải ngân, thu nợ, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1155/NHCS-KTTC ngày 07/4/2017 của Tổng Giám đốc. Khi mở tài khoản, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về việc NHCSXH được chủ động trích số dư trong tài khoản này để thu nợ gốc, thu lãi quá hạn (nếu có).

12. Tổ chức giải ngân

12.1. Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

12.2. NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân tới khách hàng trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo vốn.

12.3. Trường hợp đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động đối với các tháng 5, 6, 7 năm 2021, khách hàng lập hồ sơ vay vốn từng tháng. NHCSXH nơi cho vay căn cứ hồ sơ vay vốn của khách hàng để phê duyệt, ký Hợp đồng tín dụng và thực hiện giải ngân 01 lần.

12.4. Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

13. Kiểm tra sau cho vay

13.1. Sau 15 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay đôn đốc khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ (sau đây gọi tắt là chứng từ) chứng minh việc đã trả lương cho người lao động. Khi khách hàng cung cấp đầy đủ chứng từ thì cán bộ được phân công kiểm tra, lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/CVTL) và lưu vào hồ sơ vay vốn.

13.2. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, khách hàng chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương cho người lao động, NHCSXH nơi cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của khách hàng và lập Biên bản kiểm tra Mẫu 06/CVTL cụ thể như sau:

- Trường hợp khách hàng cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, cán bộ kiểm tra kiến nghị tiếp tục thực hiện cho vay đối với khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, cán bộ kiểm tra kết luận vào Biên bản kiểm tra và kiến nghị biện pháp xử lý.

14. Thu nợ gốc, thu lãi

14.1. Khách hàng trả nợ gốc một lần khi đến hạn và có thể trả nợ trước hạn.

14.2. Khách hàng trả nợ quá hạn thì thu nợ gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng (nếu có) của phần nợ gốc đó.

14.3. NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn (Mẫu 07/CVTL).

15. Thông báo nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

15.1. Trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo nợ đến hạn (Mẫu số 08/CVTL) gửi khách hàng.

15.2. Chuyển nợ quá hạn

a) Đến kỳ hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, khách hàng chưa trả được hết nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 09/CVTL) gửi khách hàng.

16. Xử lý vi phạm

16.1. Khách hàng vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì NHCSXH nơi cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho khách hàng.

16.2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về vi phạm Hợp đồng tín dụng của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn gửi khách hàng.

Nếu khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thông báo, NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 09/CVTL) gửi khách hàng.

16.3. Trường hợp khách hàng vi phạm theo quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, NHCSXH nơi cho vay báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

17. Hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và chế độ báo cáo thống kê

Việc hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

18. Tổ chức thực hiện

Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị thực hiện nghiêm túc việc cho vay theo hướng dẫn tại văn bản này; Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

19. Hiệu lực thi hành

Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này được thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 68; (để báo cáo)
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Lưu: VT, TDNN.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Thuận

NHCSXH TỈNH/TP.....
 PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm,
 Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
 đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ ¹	Tình trạng
1	Giấy đề nghị vay trả lương ngừng việc cho người lao động/ Đề nghị vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất.	Bản gốc đề nghị tháng
2	Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu 13a/13b/13c	Bản gốc danh sách tháng.....
3	Giấy ủy quyền (nếu có)	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực
4	Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư	<input type="checkbox"/> Bản sao giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../..... <input type="checkbox"/> Bản sao chứng thực giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../.....
5	Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định	<input type="checkbox"/> Không có <input type="checkbox"/> Bản sao <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực
6	Văn bản thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động	Bản gốc:..... bản

¹ Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi khách hàng.



7	Văn bản yêu cầu tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ quan có thẩm quyền	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản sao
8	Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản gốc
9	Thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản sao

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp
đến Quý khách hàng chậm nhất ngày/...../..... về địa chỉ của khách hàng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỜ TRÌNH
PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính trình:

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ vay vốn của khách hàng, kết quả tra cứu thông tin tín dụng của khách hàng trên hệ thống thông tin tín dụng Quốc gia đến ngày ... / ... /20... :

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/hộ kinh doanh/cá nhân¹:
-
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../.....
của
-
4. Địa chỉ:.....
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Do..... Cấp ngày
8. Quyết định thành lập số²:.....
9. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư³ số:
10. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề⁴ số: .
.....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm)

(Hồ sơ vay vốn đính kèm)

Đề nghị phê duyệt cho vay với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20....
Bằng số đồng.
(Bằng chữ.....).
- Trong đó⁵:

1 Đối với cá nhân có sử dụng, thuê mướn lao động nhưng không đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.
 2 Đối với tổ chức được thành lập theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 3 Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.
 4 Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

2. Số lao động không đủ điều kiện:

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

3. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương

tháng..... năm 20.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

CÁN BỘ TÍN DỤNG⁶

(Ký, ghi rõ họ tên)

5 Căn cứ đề nghị của khách hàng vay vốn từng tháng cán bộ ghi rõ mục đích để trả lương ngừng việc hay trả lương phục hồi sản xuất. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn nhiều tháng thì ghi đầy đủ các tháng khách hàng đề nghị vay vốn.

⁶ Mẫu được soạn thảo trực tiếp khi cán bộ lập tờ trình phê duyệt cho vay.



PHÊ DUYỆT CHO VAY

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20....
Bằng số đồng.
(Bằng chữ.....).
- Trong đó:
 - + Số tiền cho vay trả lương tháng/20...:
đồng, với lao động.
 - + Số tiền cho vay trả lương tháng/20...:
đồng, với lao động.
 - + Số tiền cho vay trả lương tháng/20...:
đồng, với lao động.
2. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương
tháng..... năm 20.....
3. Lãi suất:
 - Lãi suất cho vay: 0%/năm
 - Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm
4. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng như sau:

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20....

Bằng số đồng.
(Bằng chữ.....).

Trong đó²:

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

2. Số lao động không đủ điều kiện:

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

- Tháng năm 20...: lao động, lý do:.....

3. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương
tháng..... năm 20.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng
cử người đại diện đến địa chỉ
vào lúc giờ.....phút, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng
tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

² Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn nhiều tháng thì ghi đầy đủ các tháng khách hàng đề nghị vay vốn.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm 20.....,
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹
Số:/20.../HĐTĐ

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ văn bản số 6199/HD-NHCS ngày 08/7/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay²

1. Đối với người sử dụng lao động là doanh nghiệp, tổ chức,...

- Tên đơn vị:.....
- Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

¹ Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Tổ trưởng hoặc Trưởng Phòng KHNVTĐ ký tất từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

² Tùy vào từng đối tượng cụ thể, NHCSXH nơi cho vay xóa các nội dung không cần thiết, chỉ để lại các nội dung phù hợp với khách hàng.

- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../..... của
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Mã số thuế:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư³ số:do.....cấp ngày.....
- Ngành nghề kinh doanh chính:.....
- Tài khoản thanh toán số:tại

2. Đối với người sử dụng lao động là cá nhân

- Họ và tên:.....
- Ngày sinh:.....Giới tính:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Ngành nghề kinh doanh/đơn vị công tác:.....
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Tài khoản thanh toán số:tại

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để trả lương..... trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 nhưng tối đa không quá 03 tháng.

Các lần vay tiếp theo (nếu có), kể từ lần vay đầu tiên, Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng để xác định số tiền vay từng lần và tổng số tiền vay.

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay tháng⁴ năm 20...

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

Trong đó: ⁵

- Tháng...../20.....:

+ Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

+ Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

³ Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

⁴ Ghi đầy đủ các tháng Bên vay được vay vốn.

⁵ Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn nhiều tháng thì ghi đầy đủ các tháng khách hàng đề nghị vay vốn.

- Tháng...../20.....:
- + Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.
- + Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.
- Tháng...../20.....:
- + Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.
- + Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

2. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả lương tháng..... năm 20.....

3. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Ngày đến hạn trả nợ của các lần giải ngân tiếp theo (nếu có) là ngày đến hạn trả nợ được xác định tại Hợp đồng tín dụng này.

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

Điều 3. Giải ngân tiền vay

1. Việc giải ngân được thực hiện sau khi Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết, Bên vay ký nhận nợ trên Phần theo dõi cho vay - thu nợ.

2. Bên cho vay giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho Bên vay:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên vay*): :.....
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....

3. Việc giải ngân của Bên cho vay được thực hiện đến hết ngày 05/4/2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 4. Việc kiểm tra sau giải ngân của Bên cho vay

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ (sau đây gọi tắt là chứng từ) chứng minh việc đã trả lương cho người lao động. Khi Bên vay cung cấp, Bên cho vay kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương cho người lao động thì Bên cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của Bên vay và lập Biên bản kiểm tra, cụ thể như sau:

- Trường hợp Bên vay cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, Bên cho vay tiếp tục thực hiện cho vay.

- Trường hợp Bên vay không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, Bên cho vay kết luận biện pháp xử lý.

Điều 5. Thông báo nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

1. Trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 30 ngày, Bên cho vay thông báo nợ đến hạn cho Bên vay.

2. Chuyển nợ quá hạn: Đến ngày trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn mà Bên vay không trả được nợ, Bên cho vay chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

3. Lãi suất nợ quá hạn được tính kể từ ngày Bên cho vay chuyển nợ quá hạn.

Điều 6. Trả nợ gốc, trả lãi quá hạn

1. Bên vay trả nợ gốc một lần khi đến hạn và có thể trả nợ trước hạn.

2. Bên vay trả nợ gốc, trả lãi quá hạn (nếu có) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trường hợp chuyển khoản vào tài khoản của Bên cho vay đề nghị chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):

- Số tài khoản:.....

- Mở tại:.....

- Nội dung: Trả nợ gốc/ lãi quá hạn (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm 20.....

3. Trường hợp Bên vay trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó (nếu có).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

2. Sau 15 ngày kể từ ngày giải ngân yêu cầu Bên vay cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay. Bên cho vay chỉ thực hiện giải ngân lần tiếp theo sau khi Bên vay đã cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay của lần giải ngân trước. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, nếu Bên vay chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh thì Bên cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của Bên vay.

3. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.

4. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

5. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, quá hạn, thu lãi quá hạn (nếu có).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này và Phụ lục Hợp đồng tín dụng (nếu có). Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay.

3. Trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn và lãi quá hạn (nếu có) cho Bên cho vay.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì Bên cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Nếu Bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thông báo, Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và thông báo cho Bên vay.

4. Trường hợp Bên vay vi phạm theo quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa ánđể xem xét giải quyết.

Điều 11. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi quá hạn (nếu có) cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
Số:/20.../HĐTD/PL...¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số/20...../HĐTD ngày tháng năm ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... và

Căn cứ hồ sơ vay vốn của

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay

1. Đối với người sử dụng lao động là tổ chức (doanh nghiệp.....):

- Tên đơn vị:.....
- Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../.....
của
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Mã số thuế:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Giấy phép đầu tư² số:
- do..... Cấp ngày.....
- Ngành nghề kinh doanh chính:.....
- Tài khoản thanh toán số: tại

2. Đối với người sử dụng lao động là cá nhân

¹ Phụ lục hợp đồng được đánh máy và in, việc lấy số phụ lục được lấy theo số của Hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể như sau: Số:/20.../HĐTD/PL01 hoặc Số:/20.../HĐTD/PL02.

² Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

- Họ và tên:.....
- Ngày sinh:.....Giới tính:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Ngành nghề kinh doanh/đơn vị công tác:.....
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Tài khoản thanh toán số:tại:

Hai bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng với một số điều khoản cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay tháng năm 20....

Bằng số:.....đồng.

(Bằng chữ:)

2. Tổng số tiền cho vay đến ngày/...../20... là:

Bằng số:.....đồng

(Bằng chữ:)

3. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả lương tháng..... năm 20.....

Điều 2. Những nội dung không quy định tại Phụ lục hợp đồng tín dụng này, hai bên thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số/20...../HĐTD.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số/20..../HĐTD ký ngày tháng năm

Phụ lục hợp đồng tín dụng này gồm trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN
KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY

Căn cứ hồ sơ vay vốn và Hợp đồng tín dụng số ngày
.../.../....., Phụ lục hợp đồng tín dụng số ngày .../.../....
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và
.....
Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng ... năm 20..., tại
....., chúng tôi gồm có:

I. Thành phần

- 1. Bên kiểm tra¹:
- Ông/bà:.....Chức vụ:
- Ông/bà:.....Chức vụ:
- 2. Khách hàng:
- Địa chỉ:.....
- Đại diện:.....Chức vụ:.....

II. Nội dung kiểm tra

1. Đến ngày .../.../....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho khách hàng vay vốn trả lương với tổng số tiền đồng và tổng số lượt người lao động, trong đó:

- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.
- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.
- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.

2. Qua kiểm tra thực tế hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn của khách hàng, kết quả kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng như sau:

- Số lượt người lao động đã nhận tiền lương: lao động, số tiền: đồng.
- Số lượt người lao động không nhận được tiền lương: lao động, số tiền: đồng.
- Các nội dung khác (nếu có):

¹ Ghi rõ tên đơn vị/đoàn kiểm tra

.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận sau kiểm tra

1. Kết luận của bên kiểm tra²:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Ý kiến của khách hàng:

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện./.

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích và vi phạm các nội dung trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, cán bộ kiểm tra phản ánh đầy đủ những vi phạm nêu trên và thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vi phạm của khách hàng và đề xuất hình thức xử lý.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY VÀ THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng.....
do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số
ngày...../...../....., cụ thể²:

-
-

Do đó, yêu cầu khách hàng phải thực hiện trả nợ chậm nhất ngày
tháng.....năm.....³ với số tiền đồng (Bằng chữ:.....).

Đến hết ngày..... tháng.....năm....., khách hàng không thực hiện nghĩa
vụ trả nợ, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... sẽ chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên và áp dụng lãi suất
nợ quá hạn 12%/năm.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo để khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên khách hàng vay vốn

² Phần cụ thể, Căn cứ vào việc kiểm tra, cán bộ NHCSXH nơi cho vay ghi rõ nội dung vi phạm và số tiền vi phạm của khách hàng.

³ 30 ngày kể từ ngày lập thông báo hoặc thời gian theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỢ ĐẾN HẠN¹

Kính gửi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn: đồng.

(Bằng chữ:))

- Ngày đến hạn:/...../.....

Yêu cầu khách hàng trả nợ đầy đủ, đúng hạn số nợ gốc trên. Trường hợp
chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (tên tài khoản Bên cho vay):

- Số tài khoản:.....

- Mở tại:.....

- Nội dung: Trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số.....
ngày tháng năm 20.....

Đến hết ngày..... tháng.....năm....., nếu khách hàng không trả nợ, Chi
nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khách hàng sang nợ quá hạn. Lãi suất nợ
quá hạn là 12%/năm, áp dụng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị khách hàng liên hệ Chi nhánh/Phòng giao dịch
Ngân hàng Chính sách xã hội để được hướng dẫn./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Thông báo được đánh máy, in



NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO
CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN**

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là

.....
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn:đồng
(*Bằng chữ:*)
- Ngày chuyển nợ quá hạn:/...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn:

.....
Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng
số ngày.....tháng năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹ Thông báo được đánh máy, in